

DANH SÁCH TRẢ TIỀN ĂN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ NGHỈ CÓ PHÉP

Tháng 10 Năm học: 2022 - 2023

KHỐI 1 + 2 + 3 + 4 + 5

ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Số ngày nghỉ	Số tiền/ 01 ngày	Thành tiền	Ký nhận	Họ và tên người nhận	Mọi quan hệ với học sinh	Ghi chú
1	Huỳnh Nhật Hào	Một 1	4	30.000	120.000		Trừ ngày ăn T11		
2	Đoàn Thiên Phước	Một 1	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
3	Hồ Nguyễn Trường Thắng	Một 1	3	30.000	90.000		Trừ ngày ăn T11		
4	Từ Hoàng Yến	Một 2	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
5	Mạc Nguyễn Tiến Đạt	Một 3	5	30.000	150.000		Trừ ngày ăn T11		
6	Phan Hoàng Khải	Một 3	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
7	Huỳnh Nguyễn Minh Khoa	Một 3	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
8	Nguyễn Hữu Sang	Một 3	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
9	Trần Thanh Uyên	Một 3	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
10	Nguyễn Hồng Hải Bằng	Một 4	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
11	Nguyễn Ngọc Tuyết My	Một 4	3	30.000	90.000		Trừ ngày ăn T11		
12	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	Một 4	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
13	Phan Nguyễn Kim Quyên	Một 4	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
14	Dương Bùi Nhã Uyên	Một 4	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
15	Đoàn Xuân Đông	Hai 1	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
16	Phan Thanh Hằng	Hai 1	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
17	Trương Thanh Huyền	Hai 1	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
18	Nguyễn Đỗ Trúc Phương	Hai 1	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
19	Lê Dương Khai Thái	Hai 1	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
20	Lê Thúy Vy	Hai 1	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
21	Nguyễn Thiên Ân	Hai 2	9	30.000	270.000		Trừ ngày ăn T11		
22	Hoàng Ngọc Thiên Dương	Hai 2	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
23	Đặng Huỳnh Bảo Lộc	Hai 2	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
24	Lý Phạm Mỹ Ngọc	Hai 2	4	30.000	120.000		Trừ ngày ăn T11		
25	Võ Tâm Như	Hai 2	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
26	Trần Ngọc Phú	Hai 2	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
27	Nguyễn Lưu Bảo Anh	Hai 3	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
28	Quách Thiên Kim	Hai 3	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
29	Giáp Phương My	Hai 3	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
30	Kiều Thị Kim Ngọc	Hai 3	5	30.000	150.000		Trừ ngày ăn T11		



ST T	Họ và tên học sinh	Lớp	Số ngày nghỉ	Số tiền/ 01 ngày	Thành tiền	Ký nhận	Họ và tên người nhận	Mối quan hệ với học sinh	Ghi chú
31	Ngô Tuyết Nhi	Hai 3	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
32	Võ Trần Minh Thư	Hai 3	4	30.000	120.000		Trừ ngày ăn T11		
33	Phạm Huỳnh Anh	Hai 4	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
34	Trịnh Hoàng My	Hai 4	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
35	Châu Thị Ánh Ngọc	Hai 4	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
36	Trần Hạo Thiên	Hai 4	5	30.000	150.000		Trừ ngày ăn T11		
37	Ng. Ngọc Phương Nghi (23/3)	Ba 1	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
38	Ng. Ngọc Phương Nghi (23/10)	Ba 1	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
39	Thạch Thành Thắng	Ba 1	4	30.000	120.000		Trừ ngày ăn T11		
40	Norman Thanh Ariana	Ba 2	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
41	Lê Nguyễn Gia Hào	Ba 2	3	30.000	90.000		Trừ ngày ăn T11		
42	Nguyễn Phước Hưng	Ba 2	4	30.000	120.000		Trừ ngày ăn T11		
43	Lê Thảo Nhi	Ba 2	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
44	Nguyễn Bảo Trân	Ba 2	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
45	Nguyễn Trần Ngọc Như Ý	Ba 2	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
46	Nguyễn Minh Thăng	Ba 3	3	30.000	90.000		Trừ ngày ăn T11		
47	Nguyễn Ngọc Thiên Trang	Ba 3	5	30.000	150.000		Trừ ngày ăn T11		
48	Nguyễn Châu Thiên Ân	Bốn 1	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
49	Nguyễn Quốc Đại	Bốn 1	9	30.000	270.000		Trừ ngày ăn T11		
50	Nguyễn Tấn Phong	Bốn 1	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
51	Phạm Thành Đạt	Bốn 2	2	30.000	60.000		Trừ ngày ăn T11		
52	Nguyễn Trí Nhân	Bốn 2	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
53	Nguyễn Thái Tuấn Tú	Năm 1	5	30.000	150.000		Trừ ngày ăn T11		
54	Mạc Nguyễn Thiện Phúc	Năm 2	4	30.000	120.000		Trừ ngày ăn T11		
55	Trần Đăng Quân	Năm 2	1	30.000	30.000		Trừ ngày ăn T11		
56	Tổng cộng		133		3,990.000				

Kế toán



Trần Hồng Ân

Ngày 31 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Phong